TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21 /2021/HNGĐ - ST
Ngày 03 tháng 08 năm 2021
"*V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **Lương Thị T**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị N –** Chủ tịch HPN huyện
Ông **Trần Quang C –** Cán bộ nghỉ hưu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Dương Mạnh H** - CBTA.
Đại diện VKS tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị H** - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 08 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2021 về việc ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Đặng Thị N SN 1988 (Có mặt)**
HKTT: Nhân Đòng, Bãi Sậy, Ân Thi, Hưng Yên
Nơi ở hiện nay: Đỗ Hạ, Quang Vinh, Ân Thi, Hưng Yên
- *Bị đơn:* **Anh Đào Văn A SN 1988 (Có mặt)**
Trú tại: Nhân Đòng, Bãi Sậy, Ân Thi, Hưng Yên
- *Người có quyền lợi liên quan:* Cháu **Đào Hải Đ SN 2018**
- *Người đại diện cho cháu Đ:* Chị N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2020 của chị N và các lời khai của vợ chồng trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Đặng Thị N và A Đào Văn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bãi Sậy vào năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nảy sinh, theo chị N thì nguyên nhân mâu thuẫn là do A A không thông cảm và bỏ qua những điều xảy ra trong quá khứ, mỗi khi có chuyện A A lại lôi chuyện cũ ra nói, trì triết chị gây ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý cũng như dA dự của chị. Sau khi sinh con thì mâu thuẫn vợ chồng lại bị đẩy lên một mức cao hơn, việc chăm sóc con tất cả đều do một mình chị, A A không chia sẻ, giúp đỡ chị mà phó thác, ỉ lại toàn bộ cho chị. Ngoài ra vấn đề giữa A A với gia đình chị cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn, A không làm tròn trách nhiệm của người con rể với gia đình vợ, ngày lễ tết rất thờ ơ. Do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên cuối năm 2020, vợ chồng đã chính thức

sống ly thân, chấm dứt tất cả mọi mối quan hệ, coi nhau như người xa lạ. Nay chị xác định không còn tình cảm, đề nghị được ly hôn A A càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống.

Còn theo lời khai của A A thì nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bố mẹ vợ tự nhiên ra đón mẹ con chị N về và có nhiều lời nói không đúng mực đối với A, gia đình A. Sau khi mẹ con chị N về bên ngoại ở, bản thân A cũng như gia đình A đã trực tiếp đến gia đình chị N nói chuyện và có nguyện vọng đón mẹ con chị N về, chị N có về được ít ngày rồi lại đi, bản thân A cũng không được bố mẹ vợ yêu quý mà những lần A sang thăm vợ, con đều bị đuổi hoặc có những lời lẽ không xúc phạm A, sự việc xảy ra nhiều lần nên A cũng không sang gia đình chị N nữa, mặc dù vợ chồng cũng tồn tại nhiều bất đồng nhưng cả hai không tự giải quyết được. Cuối năm 2020 vợ chồng sống ly thân, việc ai người đó lo, nay chị N có đơn ly hôn, A không nhất trí A mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Hải Đ, sinh ngày 12/02/2019. Nếu vợ chồng ly hôn, chị N, A A đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N, A A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai đại diện gia đình A A thể hiện: Việc A A và chị N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện và có Đ ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong cuộc sống gia đình luôn đối xử tốt với chị N, thời gian chị N xin về bên ngoại ăn giỗ, giỗ xong không thấy về, gia đình có vào để đón mẹ con chị N về nhưng thái độ, cách cư xử của bố mẹ chị N đối với gia đình rất khác lạ, bản thân chị N mang đơn ly hôn bảo gia đình mang về cho A A ký, A A vào đón thì bị bố vợ chửi, hắt hủi, bị vợ thờ ơ. Sau nhiều lần vào đón chị N nhưng không về nên A A không vào nữa, đối với gia đình kể từ ngày chị N về bên ngoại ở, chị N không làm trách nhiệm đối với gia đình tôi, đối với chồng, có lời nói hỗn náo, không chấp nhận được.

Lời khai đại diện gia đình chị N thể hiện: Vợ chồng chị N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại ủy ban xã Bãi Sậy vào năm 2017. Cuộc sống vợ chồng chị N không được hòa thuận, tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cách sống, cư xử của A A và gia đình không tốt, coi thường chị N. Thời gian chị N sinh con, gia đình chồng không ai quan tâm, chăm sóc khiến cơ thể chị N bị suy nhược, không còn sức sống, gia đình vì thương con nên đã đón mẹ con chị N về để bồi bổ, chăm sóc. Thời gian mẹ con chị N ở bên ngoại, thi thoảng ông bà thông gia có vào nhưng vào chỉ với mục đích thăm cháu chứ cũng không đả động gì đến chị N, bản thân A A vào được một vài lần rồi cũng mất tích, bản thân A A sống ích kỷ, không có lập trường, thờ ơ đối vợ, con, không có trách nhiệm.

Biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Bãi Sậy thể hiện: Vào ngày 28/11/2017 chị N và A A có Đ ký kết hôn tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng chị N có mâu thuẫn gì nảy sinh địa phương không nắm được. Qua nắm bắt tình hình an ninh địa phương thì vợ chồng chị N không còn chung sống cùng nhau từ đầu năm 2020. Vợ chồng chị N có 01 con chung Đào Hải Đ, sinh ngày 12/02/2019.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1.phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thư ký, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

3. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi:

- Về tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị N phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và làm ăn kinh tế, A A ghen tuông vô cớ, nên thường xuyên tra hỏi, trì triết, không quan tâm đến gia đình vợ con, trong khi đó chị N bận chăm con và sức khỏe yếu, nhưng A A vẫn không thông cảm và chia sẻ, thường xuyên nói lời cay nghiệt, xúc phạm chị N làm cho cuộc sống gia đình ngột ngạt, căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài không được giải quyết. Đến cuối năm 2020 chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, không ai quan tâm tới ai. Ngày 12/3/2021 chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với A A được nữa, nên gửi đơn ly hôn tới Tòa án nhân dân huyện Ân Thi để giải quyết. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tình cảm vợ chồng, nhưng không thành do chị N giữ nguyên quan điểm ly hôn, A A không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và A A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ căn cứ xử cho chị N ly hôn A A.

- Về con chung: Có một con chung là cháu Đào Hải Đ sinh ngày 12/02/2019 hiện đang ở cùng với chị N và ông bà ngoại. Vợ chồng ly hôn cả chị N và A A đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, thể hiện trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên xét về điều kiện, hoàn cảnh và thu nhập của cả chị N và A A là tương đương nhau, hơn nữa cháu Đ còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, cũng như thực tế cháu Đ đang ở với chị N. Nên giao cháu Đ cho chị N nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu A A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, A A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết.

- Chị N phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày, trA luận của các đương sự và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Đặng Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn giữa chị và A Đào Văn A. Tòa án xác định đây là quan hệ trA chấp về hôn nhân và gia đình. Các đương sự đều thường trú tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị N, A A: Chị N, A A xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào năm 2017. Do vậy hôn nhân của chị N, A A là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị N xin ly hôn A A sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về nguyên nhân, lý do mâu thuẫn: Chị N và A A đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng A chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ cả hai phía, do việc không tin tưởng, không tôn trọng và yêu thương nhau dẫn đến xảy ra nhiều trA cãi làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không tìm được cách giải quyết dẫn đến việc phải sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, công việc, cuộc sống của ai người đó tự lo. Lời khai của đại diện hai bên gia đình cũng đã xác nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng A chị. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, A A luôn có nguyện vọng xin đoàn tụ nhưng bản thân A không đưa ra được giải pháp gì để giải quyết mâu thuẫn đang tồn tại, hàn gắn tình cảm vợ chồng, A chỉ nói chứ không thể hiện bằng hành động, không nhận được sự tin tưởng hay đồng thuận từ phía chị N, trong khi đó quan điểm chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn. Qua phân tích ở trên đã chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng chị N, A A không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng ly hôn, chị N, A A đều có nguyện vọng được nuôi con chung, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của bố, mẹ đối vơi con chưa thành niên. Chị N cũng như A A hiện nay đều có công việc cũng như mức thu nhập ổn định, đảm bảo được cuộc sống cho bản thân cũng như cho con chung, nhưng cháu Đ hiện còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo cuộc sống cũng như sự phát triển tốt nhất cho con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu A A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81;82;83 của Luật HNGĐ; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn A Đào Văn A.

2. Về con chung: Giao con chung Đào Hải Đ SN 2019 cho chị N nuôi dưỡng đến khi thành niên. A A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N, A A có quyền đi lại thăm nom con chung, chị N không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000804 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận
- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND Bãi Sậy;
- THA;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị T